| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 150/2020/QĐST-HNGĐ | *TP. T, ngày 31 tháng 7 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu:

1. Anh Phạm Đức H, sinh năm 1982;

2. Chị Trần Thị B, sinh năm 1986;

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 16, ngõ 22 đường X, tổ 15, phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình;

Đều cư trú: Số nhà 04, ngõ 03, đường X, tổ 12, phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Đức H và chị Trần Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2007. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, theo chị B trình bày anh H thường xuyên rượu chè, chơi

bời, nợ nần dẫn đến kinh tế khó khăn. Vì vậy, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trở nên gay gắt và không hòa giải được. Đến nay, anh H và chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, vì vậy, anh H chị B đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh H và chị B là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Anh Phạm Đức H và chị Trần Thị B đều trình bày anh chị có hai con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2008 và Phạm Thảo A, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2014. Ly hôn, anh chị đã thống nhất thỏa thuận: Anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Quỳnh A, chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thảo A. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh H, chị B về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con là tự nguyện, không trái pháp luật, đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận.

[3] Về chia tài sản: Anh Phạm Đức H và chị Trần Thị B không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó, Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Đức H và chị Trần Thị B chấp nhận nộp lệ phí giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đức H và chị Trần Thị B.

1.2. Về nuôi con chung: Anh Phạm Đức H là người trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2008. Chị Trần Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thảo A, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2014. Anh Phạm Đức H và chị Trần Thị B không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Phạm Đức H và chị Trần Thị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

1.3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Đức H và chị Trần Thị B mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn. CHển số tiền 300.000 đồng anh H, chị B đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004784 đề ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình (ĐKKH số 02/2007, ngày 28/12/2007);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

***(đã ký)***

**Nguyễn Thị Linh Nga**